

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 9951  
ĐẾN Ngày: 27/03/15  
Chuyển: MTH  
Lưu hồ sơ số:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 38



### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2014)
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2014)
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Tiến Dũng**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015



Số: *H42* /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Signature]*  
**Nguyễn Quang Trung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

*[Signature]*

**Nguyễn Thị Thu Sang**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

TÀI SẢN	Mã Thuyết		31/12/2014	31/12/2013
	số	minh		
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>444.899.244</b>	<b>378.750.385</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>151.002.271</b>	<b>123.484.358</b>
1. Tiền	111		46.347.773	44.703.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.654.498	78.780.851
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>561.862</b>	<b>950.751</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		561.862	950.751
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>231.064.068</b>	<b>198.920.137</b>
1. Phải thu khách hàng	131		221.281.903	185.690.113
2. Trả trước cho người bán	132		5.476.247	6.954.590
3. Các khoản phải thu khác	135	6	4.597.373	6.512.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(291.455)	(236.942)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>57.695.816</b>	<b>49.615.381</b>
1. Hàng tồn kho	141		60.359.735	49.664.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.663.919)	(48.944)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.575.227</b>	<b>5.779.758</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.600.512	3.119.183
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.789.065	1.596.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	18.940
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.185.650	1.045.095
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>652.001.842</b>	<b>642.942.576</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>620.269.808</b>	<b>593.383.903</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	541.352.304	585.360.499
- Nguyên giá	222		787.633.804	783.562.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(246.281.500)	(198.202.398)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	9.426.937	7.184.461
- Nguyên giá	228		13.094.798	10.115.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.667.861)	(2.930.539)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	69.490.567	838.943
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29.814.189</b>	<b>45.514.561</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	11	29.814.189	44.764.460
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.589.148
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(839.047)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.870.070</b>	<b>3.972.450</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	649.526	3.212.249
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	374.004	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		846.540	760.201
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>15</b>	<b>47.775</b>	<b>71.662</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.096.901.086</b>	<b>1.021.692.961</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2014	31/12/2013
	số	minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>545.592.750</b>	<b>552.601.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>336.291.040</b>	<b>321.585.443</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	54.440.073	86.968.432
2. Phải trả người bán	312		135.167.958	101.784.992
3. Người mua trả tiền trước	313		1.206.979	5.139.409
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	22.303.881	18.093.717
5. Phải trả người lao động	315		11.444.497	9.564.234
6. Chi phí phải trả	316	18	85.798.752	73.868.995
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	11.967.867	14.862.999
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	4.876.309	4.828.397
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.084.724	6.474.268
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>209.301.710</b>	<b>231.016.121</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	22.600.015	24.864.354
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	145.712.284	179.857.418
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	-	4.903
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	49.834
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	40.989.411	26.239.612
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>540.269.887</b>	<b>467.685.961</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>540.269.887</b>	<b>467.685.961</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.095.191	148.114.675
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		126.770.844	127.400.152
3. Cổ phiếu quỹ	414		(17.257)	(629.308)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.529.349)	(8.268.443)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		48.759.516	37.615.208
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.568.764	17.375.183
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		192.622.178	146.078.494
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>11.038.449</b>	<b>1.405.436</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.096.901.086</b>	<b>1.021.692.961</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>ĐVT</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ - USD	USD		9.337	507.482
2. Ngoại tệ các loại				
Đồng Việt Nam ("VND")	VND		2.506.771.758.512	2.044.671.772.314
Đồng Euro ("EUR")	EUR		9.056	6.114
Bảng Anh ("GBP")	GBP		10.152	8.238
Dinar Algeria ("DZD")	DZD		57.432.042	64.744.136
Đô la Singapore ("SGD")	SGD		17.493	19.751



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	987.485.400	710.135.165
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		987.485.400	710.135.165
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	792.612.403	550.914.721
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		194.872.997	159.220.444
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.626.197	4.719.904
6. Chi phí tài chính	22	28	13.790.559	16.550.283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.840.823	10.651.799
7. Chi phí bán hàng	24		2.799.251	2.155.194
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		53.091.038	45.175.939
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		132.818.346	100.058.932
10. Thu nhập khác	31		5.880.852	3.023.468
11. Chi phí khác	32		2.586.908	4.240.545
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.293.944	(1.217.077)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	45	11	14.147.558	10.596.909
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		150.259.848	109.438.764
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	30.539.173	13.914.945
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(378.737)	316.498
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		120.099.412	95.207.321
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	24	464.173	423.936
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		114.398.267	89.964.071
- Lợi ích của các bên BCC	63	12	5.236.972	4.819.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	0,38	0,32



Phạm Tiến Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>150.259.848</i>		<i>109.438.764</i>	
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	50.395.798		52.699.518	
Các khoản dự phòng	03	1.830.441		(2.009.615)	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.281.057		1.231.434	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.308.045)		(13.594.481)	
Chi phí lãi vay	06	6.840.823		10.651.799	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>192.299.922</i>		<i>158.417.419</i>	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(34.427.144)		(43.327.821)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(10.672.469)		(11.787.996)	
Thay các khoản phải trả	11	49.246.859		59.575.997	
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.081.394		6.581.710	
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.270.553)		(13.370.919)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(26.534.189)		(14.112.150)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.188.994)		(10.702.845)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>153.534.826</i>		<i>131.273.395</i>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.474.450)		(11.267.853)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	154.315		88.860	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.275.728)		(41.079.532)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.126.830		41.079.532	
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(18.275.976)		(26.332.751)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	299.847		186.636	
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.023.964		8.530.695	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(14.421.198)</i>		<i>(28.794.413)</i>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	1.020.000		69.296.579	
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(17.257)		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.106.569		28.354.138	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.743.675)		(113.922.273)	
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.104.945)		(14.543.135)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(111.739.308)</i>		<i>(30.814.691)</i>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>27.374.320</b>		<b>71.664.291</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>123.484.358</b>		<b>51.265.059</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	143.593		555.008	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>151.002.271</b>		<b>123.484.358</b>	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 2.358.536 Đô la Mỹ (năm 2013: 853.100 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 853.100 Đô la Mỹ (năm 2013: 2.869.950 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Ngoài ra, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 64.653.874 Đô la Mỹ là giá trị tài sản nhận về tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 3.351.062 Đô la Mỹ (năm 2013: 5.566.769 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 4.548.626 Đô la Mỹ (năm 2013: 2.983.938 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay. Ngoài ra, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 1.049.935 Đô la Mỹ (năm 2013: 633.144 Đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cắt trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm không bao gồm số tiền 20.000.000 Đô la Mỹ là số tiền vay nhận về tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 12.980.516 Đô la Mỹ là cổ tức năm 2013 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2013: 11.846.818 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



*Phạm Tiên Dũng*  
Tông Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

*Hồ Ngọc Yến Phương*  
Phó Tông Giám đốc

*Đoàn Đức Tùng*  
Kế toán trưởng

*Trần Kim Hoàng*  
Người lập biểu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”) và bảy (7) công ty con và sáu (6) công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 457 người và 2.072 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434 người và 1.724 người).

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản Trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank") để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đồng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD" hay "PV Drilling V"). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31\_00 Suntec Tower 2, Singapore. Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong PVD Overseas từ 55% lên 80%. Trong năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas và PVD Overseas chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh đồng kiểm soát của Công ty mẹ).

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ, vốn điều lệ của các công ty con cùng tình hình góp vốn của Công ty mẹ vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15.

#### **Các công ty liên doanh**

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.





# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD-Expro là 4 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012. Vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng, tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Số 1, Đường 11, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là "PVD-OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD - OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của PVD - OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Sản xuất Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty, và vốn điều lệ của các công ty liên doanh cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

12  
CHI  
CƠ  
HN  
EL  
VIỆ  
- T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

00-002  
HÀNH  
G TY  
EM HỮU  
ITTE  
NAM  
HỒ C



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác, và các khoản ký quỹ.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.





# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong năm (5) năm và mười (10) năm.





# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (năm 2010).

### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng năm căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các giàn khoan.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

1957  
V.G  
Đ.P  
H.V  
KH  
10

002-C.T  
NH  
TY  
HỮU HẠN  
ITE  
AM  
5 CHI M



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	223.834	207.669
Tiền gửi ngân hàng	46.123.939	44.495.838
Các khoản tương đương tiền	104.654.498	78.780.851
	<u><u>151.002.271</u></u>	<u><u>123.484.358</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu chi phí trả hộ từ PVD-Baker Hughes	-	75.927
Phải thu lãi tiền gửi	298.167	691.838
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	3.052.895	4.874.931
Các khoản phải thu khác	1.246.311	869.680
	<u><u>4.597.373</u></u>	<u><u>6.512.376</u></u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	248.616	4.500.082
Nguyên liệu, vật liệu	33.722.287	27.325.164
Công cụ, dụng cụ	3.377.022	99.893
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.289.830	753.797
Hàng hoá	16.559.432	15.627.738
Hàng gửi đi bán	4.162.548	1.357.651
	<u><u>60.359.735</u></u>	<u><u>49.664.325</u></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.663.919)	(48.944)
	<u><u>57.695.816</u></u>	<u><u>49.615.381</u></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	15.968.951	761.800.564	2.240.332	3.498.685	54.365	783.562.897
Phân loại lại	42.210	13.783	531.374	(582.045)	(5.322)	-
Tăng trong năm	211.471	5.879.349	265.678	303.177	-	6.659.675
Đầu tư XDCB hoàn thành	423.895	903.782	-	-	-	1.327.677
Thanh lý	-	(301.784)	(86.774)	(64.744)	-	(453.302)
Chênh lệch tỷ giá	(98.335)	(3.327.059)	(26.145)	(11.604)	-	(3.463.143)
Tại ngày 31/12/2014	16.548.192	764.968.635	2.924.465	3.143.469	49.043	787.633.804
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	4.175.293	189.874.860	1.595.289	2.527.860	29.096	198.202.398
Phân loại lại	17.749	(12.455)	467.716	(473.010)	-	-
Khấu hao trong năm	890.635	48.267.623	258.535	335.685	13.121	49.765.599
Thanh lý	-	(273.537)	(16.770)	(132.558)	-	(422.865)
Chênh lệch tỷ giá	(74.061)	(1.159.786)	(22.849)	(6.936)	-	(1.263.632)
Tại ngày 31/12/2014	5.009.616	236.696.705	2.281.921	2.251.041	42.217	246.281.500
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	<u>11.538.576</u>	<u>528.271.930</u>	<u>642.544</u>	<u>892.428</u>	<u>6.826</u>	<u>541.352.304</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.793.658</u>	<u>571.925.704</u>	<u>645.043</u>	<u>970.825</u>	<u>25.269</u>	<u>585.360.499</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản là giàn PV Drilling II, PV Drilling III, PV Drilling V và các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 454.576.947 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 490.080.752 Đô la Mỹ) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 13.174.525 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8.972.602 Đô la Mỹ).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm 108.258 Đô la Mỹ là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (năm 2013: 0 Đô la Mỹ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	6.121.918	2.390.306	1.602.776	10.115.000
Tăng trong năm	2.611.378	381.932	-	2.993.310
Chênh lệch tỷ giá	(11.923)	(1.589)	-	(13.512)
Tại ngày 31/12/2014	<u>8.721.373</u>	<u>2.770.649</u>	<u>1.602.776</u>	<u>13.094.798</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	595.939	1.304.574	1.030.026	2.930.539
Khấu hao trong năm	149.349	309.346	279.762	738.457
Chênh lệch tỷ giá	(207)	(928)	-	(1.135)
Tại ngày 31/12/2014	<u>745.081</u>	<u>1.612.992</u>	<u>1.309.788</u>	<u>3.667.861</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>7.976.292</u></u>	<u><u>1.157.657</u></u>	<u><u>292.988</u></u>	<u><u>9.426.937</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>5.525.979</u></u>	<u><u>1.085.732</u></u>	<u><u>572.750</u></u>	<u><u>7.184.461</u></u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Xây dựng cơ bản giàn PV Drilling VI	66.641.558	-
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	2.119.095	-
Phí bán quyền phần mềm quản lý nhân sự	8.176	8.176
Các công trình xây dựng cơ bản khác	721.738	830.767
	<u><u>69.490.567</u></u>	<u><u>838.943</u></u>

Dự án đầu tư xây dựng giàn khoan PV Drilling VI có tổng dự toán chi phí đầu tư được duyệt là 226,7 triệu Đô la Mỹ.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá gốc khoản đầu tư	
				31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	2.399.255	2.399.255
PVD-Expro	4.000.000	51	2.040.000	2.040.000	2.040.000
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.450.655	1.785.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	10.200.000	10.200.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	4.159.922	4.159.922
PVD Overseas	-	-	-	-	19.182.000
PVD-OSI	<u>5.000.000</u>	51	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	4.153.375	3.374.672
PVD-Expro	5.067.518	3.095.575
PVD Tubulars	2.950.327	1.785.000
PVD-Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
Vietubes	4.476.163	4.486.272
PVD Overseas	-	19.182.000
PVD-OSI	2.966.806	2.640.941
	<b><u>29.814.189</u></b>	<b><u>44.764.460</u></b>

Biến động giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày	Góp vốn	Phân loại	Lợi nhuận	Phân bổ lợi thế	Lợi nhuận	Chênh lệch tỷ	Tại ngày
	01/01/2014	trong năm	khoản đầu tư	trong liên doanh	thương mại	được chia	giá do chuyển	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	3.374.672	-	-	1.709.769	-	(931.066)	-	4.153.375
PVD-Expro	3.095.575	1.195.802	-	2.276.037	-	(1.049.935)	(449.961)	5.067.518
PVD Tubulars	1.785.000	-	-	1.499.673	-	-	(334.346)	2.950.327
PVD-Baker Hughes	10.200.000	-	-	7.813.410	-	(7.813.410)	-	10.200.000
Vietubes	4.486.272	-	-	599.981	(123.244)	(403.743)	(83.103)	4.476.163
PVD Overseas	19.182.000	19.582.250	(38.764.250)	-	-	-	-	-
PVD-OSI	2.640.941	-	-	371.932	-	-	(46.067)	2.966.806
	<b><u>44.764.460</u></b>	<b><u>20.778.052</u></b>	<b><u>(38.764.250)</u></b>	<b><u>14.270.802</u></b>	<b><u>(123.244)</u></b>	<b><u>(10.198.154)</u></b>	<b><u>(913.477)</u></b>	<b><u>29.814.189</u></b>

Phân loại khoản đầu tư thể hiện việc chuyển liên doanh PVD Overseas thành công ty con của Tổng Công ty trong năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh nên phân lợi nhuận của năm 2014 của Tổng Công ty trong liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

**12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan "TAD" hay giàn khoan "PV Drilling V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp
	<u>%</u>
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	4,86

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tổng tài sản	187.095.859	204.124.525
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>152.476.631</u>	<u>167.061.548</u>

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Petrovietnam	14.491.854	14.491.854
MBBank	6.915.000	6.915.000
OceanBank	3.457.500	3.457.500
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(2.264.339)	-
	<u>22.600.015</u>	<u>24.864.354</u>

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp năm 2014 và năm 2013 như sau:

	2014	2013
	USD	USD
Doanh thu	77.063.468	76.595.651
Giá vốn	53.519.714	43.488.656
Chi phí quản lý	5.318.708	11.831.493
Chi phí tài chính	5.757.923	6.923.048
Doanh thu tài chính	676.197	217.175
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	134.561	(2.610.851)
Lợi nhuận thuần	13.277.881	11.958.778
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	661.354	868.781
Lợi nhuận phân phối cho các bên BCC	13.939.235	12.827.559
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	8.040.909	7.139.464
Các bên BCC khác:	5.236.972	4.819.314
<i>Petrovietnam</i>	3.206.024	2.950.339
<i>MBBank</i>	1.353.500	1.245.556
<i>OceanBank</i>	<u>677.448</u>	<u>623.419</u>

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	-	1.335.249
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	124.831
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	211.929	826.066
Chi phí trả trước dài hạn khác	437.597	926.103
	<u>649.526</u>	<u>3.212.249</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2014 và 2013:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2013	231.930	80.566	312.496
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(296.868)	(19.630)	(316.498)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(926)	25	(901)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>(65.864)</b>	<b>60.961</b>	<b>(4.903)</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	420.244	(41.507)	378.737
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(142)	312	170
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>354.238</b>	<b>19.766</b>	<b>374.004</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THÊ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	31/12/2014				31/12/2013				
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp (nguyên tệ)	Vốn góp của Tổng Công ty USD	Giá gốc khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá gốc khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980	6.748.980	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	4.081.469	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805	10.324.805	100	20.000.000.000	10.324.805	10.324.805
PVD Training	51,79	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	831.970	1.096.066	51,79	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD Deep Water	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090	39.692.090	100	76.400.000.000	39.692.090	39.692.090
PVD Overseas	81,6	41.961.000 USD	51.141.000 USD	41.728.800	41.728.800				
				<u>107.909.169</u>					<u>63.826.211</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm 2014, PVD Overseas đã chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh của Công ty mẹ).

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Công ty mẹ đã mua 51% quyền sở hữu tại PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 Đô la Mỹ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại USD
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>238.874</u>
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	167.212
Phân bố trong năm	23.887
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>191.099</u>
<b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	<u>47.775</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>71.662</u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Vay ngắn hạn	121.349	5.617.278
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	54.231.233	81.351.154
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	87.491	-
	<u>54.440.073</u>	<u>86.968.432</u>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Thuế giá trị gia tăng	9.945.669	10.193.098
Thuế nhập khẩu	181	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.272.252	3.294.959
Thuế thu nhập cá nhân	1.933.788	2.493.495
Các loại thuế khác	3.151.991	2.112.165
	<u>22.303.881</u>	<u>18.093.717</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014 USD	Số phải nộp USD	Số đã nộp USD	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính USD	31/12/2014 USD
Thuế giá trị gia tăng	10.193.098	61.074.031	61.292.706	(28.754)	9.945.669
Thuế nhập khẩu	-	2.467.958	2.467.777	-	181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.276.019	30.539.173	26.534.189	(8.751)	7.272.252
Thuế thu nhập cá nhân	2.493.495	29.221.514	29.777.043	(4.178)	1.933.788
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	139	139	-	-
Thuế môn bài	-	1.088	1.088	-	-
Các loại thuế khác	2.112.165	46.155.776	45.109.635	(6.315)	3.151.991
	<u>18.074.777</u>	<u>169.459.679</u>	<u>165.182.577</u>	<u>(47.998)</u>	<u>22.303.881</u>
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu					
Nhà nước		(18.940)			
Thuế và các khoản phải nộp					
Nhà nước		<u>18.093.717</u>			<u>22.303.881</u>

112500  
CHI NH  
CÔNG  
H NHIỆM  
LOIT  
IẾT NA  
TP. HỒ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	38.949.120	46.440.166
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	20.266.981	9.928.149
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	19.486.904	11.893.131
Trích trước chi phí lãi vay	1.484.357	1.914.087
Các khoản khác	5.611.390	3.693.462
	<u><b>85.798.752</b></u>	<u><b>73.868.995</b></u>

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích mỗi năm căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	10.134.045	7.551.399
Phải trả Petrovietnam - Nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD Deepwater theo Hợp đồng BCC	-	4.802.079
Các khoản phải trả khác	1.833.822	2.509.521
	<u><b>11.967.867</b></u>	<u><b>14.862.999</b></u>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	199.943.517	261.208.572
Vay dài hạn đến hạn trả	(54.231.233)	(81.351.154)
	<u><b>145.712.284</b></u>	<u><b>179.857.418</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	14.247.073	27.958.696
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	82.388.277	105.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	5.750.000	28.750.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	39.595.200	46.794.327
MBBank và OceanBank	14.081.267	16.641.498
Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank")	23.693.556	35.540.333
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Seabank")	20.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	188.144	135.441
	<u><b>199.943.517</b></u>	<u><b>261.208.572</b></u>

Thông tin chi tiết của các hợp đồng vay như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Mục đích tài trợ xây dựng</u>	<u>Lãi suất %</u>	<u>Hình thức đảm bảo</u>	<u>Dư nợ 31/12/2014</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
Vietcombank	Gián PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	-	USD
BIDV - đồng tài trợ	Gián PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Gián PV Drilling II	76.388.277	USD
BIDV	Gián PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	6.000.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Gián PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và gián PV Drilling III	5.750.000	USD
MBBank và Vietinbank	Gián PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	39.595.200	USD
SC Bank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	7.200.000	USD
MBBank và OceanBank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.081.267	USD
Vietcombank	Gián PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	10.969.429	USD
SC Bank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	16.493.556	USD
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	15.457.802.423	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.078.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.471.095	USD
Seabank	Gián PVDrilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Gián PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay	20.000.000	USD





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	54.231.233	81.351.154
Trong năm thứ hai	44.788.235	54.285.223
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	87.391.228	102.114.271
Sau năm năm	13.532.821	23.457.924
	<u>199.943.517</u>	<u>261.208.572</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(54.231.233)</u>	<u>(81.351.154)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>145.712.284</b></u>	<u><b>179.857.418</b></u>

**22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Số dư đầu năm	26.239.612	15.637.816
Số quỹ được trích lập	15.017.217	10.697.628
Số quỹ đã sử dụng	(137.465)	(14.779)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(108.258)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	(21.695)	(81.053)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u><b>40.989.411</b></u>	<u><b>26.239.612</b></u>

Số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm giá trị còn lại của các tài sản cố định đã hình thành từ quỹ này là 664.475 Đô la Mỹ (Nguyên giá: 772.733 Đô la Mỹ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng là 40.324.936 Đô la Mỹ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.030.733.500.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
<b>Số cổ phần được duyệt</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>
<b>Số cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phần phổ thông	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<b>(36.450)</b>	<b>(364.500.000)</b>	<b>(270.580)</b>	<b>(2.705.800.000)</b>
<b>Số cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	282.884.900	2.828.849.000.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<b>303.036.900</b>	<b>3.030.369.000.000</b>	<b>275.258.115</b>	<b>2.752.581.150.000</b>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần, tương ứng 50,39% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.828.214 cổ phần, tương ứng 50,44%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHI**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	USD	USD							
Tại ngày 01/01/2013	117.333.602	77.037.828	(810.486)	(5.256.897)	28.963.748	13.749.931	104.690.766	335.708.492	
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)	
Vốn góp	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.011.546)	-	-	-	(3.011.546)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.832.638	3.625.252	95.207.321	95.207.321	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(24.892.361)	(12.434.471)	
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(423.936)	(423.936)	
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(4.819.314)	(4.819.314)	
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	181.178	-	-	(181.178)	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2013	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(8.268.443)	37.615.208	17.375.183	146.078.494	467.685.961	
Cổ tức công bố	12.980.516	-	-	-	-	-	(38.933.624)	(25.953.108)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(17.257)	-	-	-	-	(17.257)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(260.906)	(46.417)	(23.209)	152.706	(177.826)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	120.099.412	120.099.412	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	11.190.725	2.219.339	(29.059.293)	(15.649.230)	
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(464.173)	(464.173)	
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(5.236.972)	(5.236.972)	
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	(629.308)	629.308	-	-	-	-	-	
Điều chỉnh giám khác	-	-	-	-	-	(2.549)	(14.372)	(16.921)	
Tại ngày 31/12/2014	161.095.191	126.770.844	(17.257)	(8.529.349)	48.759.516	19.568.764	192.622.178	540.269.887	

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 25.953.108 Đô la Mỹ, tương đương 550.984.490.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 12.980.516 Đô la Mỹ, tương đương 275.446.550.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển. Thời gian dự kiến giao dịch không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh Algeria từ Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2013	44.076	(5.300.973)	(5.256.897)
Phát sinh trong năm	(260.467)	(2.751.079)	(3.011.546)
Tại ngày 31/12/2013	(216.391)	(8.052.052)	(8.268.443)
Phát sinh trong năm	(590.121)	329.215	(260.906)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>(806.512)</b>	<b>(7.722.837)</b>	<b>(8.529.349)</b>

**24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định như sau:

	PVD Training VND	PVD Overseas USD
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000	51.141.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	14.996.960.000	41.728.800
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	9.412.200
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>48,21%</b>	<b>18,40%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tổng tài sản	80.909.594	9.067.840
Tổng nợ phải trả	(26.395.510)	(6.152.755)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>54.514.084</b>	<b>2.915.085</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	52.747.508	1.606.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(322.557)	(290.355)
Các quỹ khác	544.037	399.623
Lợi nhuận chưa phân phối	1.528.590	1.182.803



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>11.038.449</b>	<b>1.405.436</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
<i>PVD Training</i>		
Vốn điều lệ	774.538	774.538
Thặng dư vốn cổ phần	7.249	7.249
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(161.066)	(139.169)
Các quỹ khác	262.295	192.669
Lợi nhuận chưa phân phối	743.233	570.149
<i>PVD Overseas</i>		
Vốn điều lệ đã góp	<u>9.412.200</u>	<u>-</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận trong năm	962.763	879.306
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>464.173</u>	<u>423.936</u>

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Dịch vụ khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	773.155.570	64.166.217	437.272.426	(177.693.127)	1.096.901.086
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u><u>1.096.901.086</u></u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	376.998.680	50.275.355	92.397.426	25.921.289	545.592.750
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u><u>545.592.750</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng USD
Doanh thu gộp	611.294.948	82.388.442	352.498.487	(58.696.477)	987.485.400
Doanh thu thuần	611.294.948	82.388.442	352.498.487	(58.696.477)	987.485.400
Giá vốn hàng bán	488.336.568	78.003.935	276.058.552	(49.786.652)	792.612.403
Lợi nhuận gộp	122.958.380	4.384.507	76.439.935	(8.909.825)	194.872.997
Doanh thu hoạt động tài chính	1.475.253	947.595	47.090.392	(41.887.043)	7.626.197
Chi phí tài chính	8.856.167	671.348	4.434.881	(171.837)	13.790.559
Chi phí bán hàng	886.399	70.000	1.842.852	-	2.799.251
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.823.717	1.899.532	41.302.772	(8.934.983)	53.091.038
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95.867.350	2.691.222	75.949.822	(41.690.048)	132.818.346
Thu nhập khác	2.390.798	90.459	3.448.640	(49.045)	5.880.852
Chi phí khác	173.831	117.861	2.295.216	-	2.586.908
Lợi nhuận/(lỗ) khác	2.216.967	(27.402)	1.153.424	(49.045)	3.293.944
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					14.147.558
Lợi nhuận trước thuế	98.084.317	2.663.820	77.103.246	(41.739.093)	150.259.848
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					30.539.173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(378.737)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>120.099.412</b>

**Bảng cân đối kế toán**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	712.618.130	64.968.199	382.705.537	(138.598.905)	1.021.692.961
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>1.021.692.961</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	667.099.898	50.967.150	(89.829.025)	(75.636.459)	552.601.564
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>552.601.564</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng USD
Doanh thu gộp	456.733.633	54.307.095	255.314.050	(56.219.613)	710.135.165
Doanh thu thuần	456.733.633	54.307.095	255.314.050	(56.219.613)	710.135.165
Giá vốn hàng bán	342.186.837	50.965.159	200.211.150	(42.448.425)	550.914.721
Lợi nhuận gộp	114.546.796	3.341.936	55.102.900	(13.771.188)	159.220.444
Doanh thu hoạt động tài chính	750.782	837.993	31.120.042	(27.988.913)	4.719.904
Chi phí tài chính	12.450.368	433.296	3.981.477	(314.858)	16.550.283
Chi phí bán hàng	648.782	22.962	1.483.450	-	2.155.194
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.634.070	2.036.553	32.252.618	(13.747.302)	45.175.939
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77.564.358	1.687.118	48.505.397	(27.697.941)	100.058.932
Thu nhập khác	533.490	117.737	2.372.241	-	3.023.468
Chi phí khác	3.234.906	95.034	910.605	-	4.240.545
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(2.701.416)	22.703	1.461.636	-	(1.217.077)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					10.596.909
Lợi nhuận trước thuế	74.862.942	1.709.821	49.967.033	(27.697.941)	109.438.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					13.914.945
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					316.498
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>95.207.321</b>

1260  
HI NH  
ÔNG  
NHIỆ  
LO  
IẾT  
TP.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria và công ty con PVD Overseas) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.460.725	25.768.958
Chi phí nhân công	182.019.870	146.131.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.395.798	52.699.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.568.950	301.663.451
Chi phí khác	47.053.414	21.016.853
Giá vốn thương mại	78.003.935	50.965.159
	<u><b>848.502.692</b></u>	<u><b>598.245.854</b></u>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lãi tiền gửi	4.696.978	2.969.953
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.929.219	1.749.951
	<u><b>7.626.197</b></u>	<u><b>4.719.904</b></u>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	6.840.823	10.651.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.281.057	1.231.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.277.765	3.124.186
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	636.482	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(839.047)	-
Chi phí tài chính khác	593.479	1.542.864
	<u><b>13.790.559</b></u>	<u><b>16.550.283</b></u>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận trước thuế	150.259.848	109.438.764
Thu nhập không chịu thuế	(17.698.168)	(29.395.692)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.734.553	1.799.785
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<u><b>136.296.233</b></u>	<u><b>81.842.857</b></u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	27.632.477	14.063.994
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	2.906.696	(149.049)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>30.539.173</b></u>	<u><b>13.914.945</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% cho các hoạt động ưu đãi và hoạt động khác. PVD Tech được hưởng ưu đãi thuế đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V (năm 2011). PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Năm 2014, Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước với số tiền là 2.906.696 Đô la Mỹ bao gồm các khoản thuế nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006 cho năm 2012 và năm 2013. Việc nộp thuế bổ sung được thực hiện theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Tổng Cục thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	USD	(Trình bày lại) USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	114.398.267	89.964.071
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	114.398.267	89.964.071
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	302.913.892	277.569.555
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>0,38</b>	<b>0,32</b>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Tổng Công ty đã phát hành 27.544.655 cổ phần trong tháng 8 năm 2014 để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 như sau:



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (USD)
Số báo cáo trước đây	250.024.900	0,36
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần chi trả cổ tức trong năm 2014	27.544.655	(0,04)
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b>277.569.555</b>	<b>0,32</b>

**31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất***

	2014 USD	2013 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	2.668.167	2.127.371

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Trong vòng một năm	2.182.726	2.150.001
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.189.930	2.811.241
Sau năm năm	1.608.806	1.802.862
	<b>5.981.462</b>	<b>6.764.104</b>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

***Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh***

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay	200.152.357	266.825.850
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	151.002.271	123.484.358
Nợ thuần	49.150.086	143.341.492
Vốn chủ sở hữu	540.269.887	467.685.961
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>9%</b>	<b>31%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.002.271	123.484.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.587.821	191.965.547
Các khoản đầu tư khác	561.862	1.700.852
Các khoản ký quỹ	1.126.170	1.427.456
	<b>378.278.124</b>	<b>318.578.213</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	200.152.357	266.825.850
Phải trả người bán và phải trả khác	136.816.718	116.647.991
Chi phí phải trả	85.798.752	73.868.995
	<b>422.767.827</b>	<b>457.342.836</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD	USD	USD
Đô la Mỹ (USD) (các công ty con)	169.649.176	212.556.410	66.478.833	74.293.330
Đồng Việt Nam (Công ty mẹ)	15.435.056	15.739.584	197.242.376	113.705.206
Dinar Algeria (DZD)	416.890	822.903	890.299	2.535.728
Đô la Singapore (SGD)	1.282.504	638.984	336.359	17.128
Đồng Euro (EUR)	248.827	277.051	66.191	8.400
Krone Na Uy (NOK)	-	3.557	-	-
Bạt Thái (THB)	4.538	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	24.485	63.602	155.535	11.759
Đô la Úc (AUD)	4.058	29.359	2.460	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	3.636.146	1.959.312
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	2.063.407	2.765.262
Tăng/(giảm) lợi nhuận hợp nhất	<u>1.572.739</u>	<u>(805.950)</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 599.266 Đô la Mỹ (năm 2013: 783.626 Đô la Mỹ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm USD</b>	<b>Từ 1- 5 năm USD</b>	<b>Trên 5 năm USD</b>	<b>Tổng USD</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.002.271	-	-	151.002.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.587.821	-	-	225.587.821
Các khoản đầu tư khác	561.862	-	-	561.862
Các khoản ký quỹ	279.630	846.540	-	1.126.170
	<b>377.431.584</b>	<b>846.540</b>	<b>-</b>	<b>378.278.124</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	54.440.073	132.179.463	13.532.821	200.152.357
Phải trả người bán và phải trả khác	136.816.718	-	-	136.816.718
Chi phí phải trả	85.798.752	-	-	85.798.752
	<b>277.055.543</b>	<b>132.179.463</b>	<b>13.532.821</b>	<b>422.767.827</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>100.376.041</b>	<b>(131.332.923)</b>	<b>(13.532.821)</b>	<b>(44.489.703)</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

31/12/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng USD
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.484.358	-	-	123.484.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.965.547	-	-	191.965.547
Các khoản đầu tư khác	950.751	474.383	275.718	1.700.852
Các khoản ký quỹ	667.255	760.201	-	1.427.456
	<b>317.067.911</b>	<b>1.234.584</b>	<b>275.718</b>	<b>318.578.213</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	86.968.432	156.399.494	23.457.924	266.825.850
Phải trả người bán và phải trả khác	116.647.991	-	-	116.647.991
Chi phí phải trả	73.868.995	-	-	73.868.995
	<b>277.485.418</b>	<b>156.399.494</b>	<b>23.457.924</b>	<b>457.342.836</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>39.582.493</b>	<b>(155.164.910)</b>	<b>(23.182.206)</b>	<b>(138.764.623)</b>

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam  
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 USD	2013 USD
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	110.071.183	72.616.623
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>465.008.468</u>	<u>124.781.271</u>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	9.004.794	14.861.250
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>2.225.647</u>	<u>289.544</u>
<b>Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</b>		
Lãi vay đã trả	-	12.016
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>-</u>	<u>1.394.925</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014 USD	2013 USD
Lương	258.460	258.510
Tiền thưởng	72.185	50.314
Các khoản phúc lợi khác	<u>14.894</u>	<u>14.635</u>
	<b><u>345.539</u></b>	<b><u>323.459</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	2.314.630	2.373.678
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>117.835.164</u>	<u>75.331.568</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	1.795.189	2.436.876
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>8.308.292</u>	<u>2.494.627</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	<u>121.349</u>	-
<b>Phải trả khác</b>		
Petrovietnam	<u>21.050.317</u>	<u>22.648.681</u>

**35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2015.

Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng  
Người lập biểu



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	9953
<b>ĐẾN</b> Ngày:	27/03/15
Chuyển:	Mỹ Kỳ
Lưu hồ sơ số:	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUY ĐỔI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5-6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỊNH	7-36



Số: 441 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 2 đến trang 36. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo cáo tài chính hợp nhất đã được quy đổi sang Đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để quy đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang Đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp quy đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để quy đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>9.452.329.338.024</b>		<b>7.967.393.100.824</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.208.194.249.666</b>		<b>2.597.616.954.888</b>	
1. Tiền	111		984.704.785.158		937.662.892.177	
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.223.489.464.508		1.659.954.062.711	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.937.320.052</b>		<b>20.000.000.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.937.320.052		20.000.000.000	
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.909.187.188.728</b>		<b>4.184.484.001.932</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		4.701.355.311.138		3.906.177.217.068	
2. Trả trước cho người bán	132		116.348.343.762		146.296.755.240	
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	97.675.786.758		136.994.341.536	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.192.252.930)		(4.984.311.912)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1.225.805.306.736</b>		<b>1.043.709.154.716</b>	
1. Hàng tồn kho	141		1.282.402.929.810		1.044.738.740.700	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.597.623.074)		(1.029.585.984)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>97.205.272.842</b>		<b>121.582.989.288</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.004.477.952		65.615.133.588	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.010.474.990		33.584.815.440	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-		398.421.840	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		25.190.319.900		21.984.618.420	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>13.852.431.135.132</b>		<b>13.524.940.028.736</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.178.252.340.768</b>		<b>12.482.423.783.508</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	11.501.571.050.784		12.313.643.456.964	
- Nguyên giá	222		16.734.067.799.784		16.483.029.101.292	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.232.496.749.000)		(4.169.385.644.328)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	200.284.703.502		151.132.321.596	
- Nguyên giá	228		278.212.078.308		212.779.140.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.927.374.806)		(61.646.818.404)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	1.476.396.586.482		17.648.004.948	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>633.432.259.494</b>		<b>957.444.305.196</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	<b>11</b>	633.432.259.494		941.665.180.560	
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-		33.429.317.328	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		(17.650.192.692)	
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.731.507.220</b>		<b>83.564.458.200</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	13.799.829.396		67.572.869.964	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>14</b>	7.946.088.984		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.985.588.840		15.991.588.236	
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>15</b>	<b>1.015.027.650</b>		<b>1.507.481.832</b>	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>23.304.760.473.156</b>		<b>21.492.333.129.560</b>	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2014	31/12/2013
	số	minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>11.591.663.566.500</b>	<b>11.624.526.500.304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.144.839.435.840</b>	<b>6.764.871.378.948</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.156.633.790.958	1.829.467.935.552
2. Phải trả người bán	312		2.871.778.435.668	2.141.149.091.712
3. Người mua trả tiền trước	313		25.643.475.834	108.112.607.724
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	473.868.255.726	380.619.430.812
5. Phải trả người lao động	315		243.149.783.262	201.193.226.424
6. Chi phí phải trả	316	18	1.822.880.284.992	1.553.908.178.820
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	254.269.302.282	312.658.046.964
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	103.602.061.014	101.570.159.292
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		193.014.046.104	136.192.701.648
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.446.824.130.660</b>	<b>4.859.655.121.356</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	480.159.918.690	523.046.550.744
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.095.803.185.864	3.783.480.645.048
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	-	103.139.508
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.048.308.024
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	870.861.026.106	551.976.478.032
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>11.478.574.019.202</b>	<b>9.838.241.877.560</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>11.478.574.019.202</b>	<b>9.838.241.877.560</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.030.733.500.000	2.755.286.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.446.049.927.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(364.500.000)	(11.963.553.191)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		785.024.506.240	683.185.976.226
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		971.278.960.699	735.587.990.807
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		384.621.651.961	338.229.607.392
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.873.193.525.639	2.891.864.978.472
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>234.522.887.454</b>	<b>29.564.751.696</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>23.304.760.473.156</b>	<b>21.492.333.129.560</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>DVT</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ - VND	VND		198.380.968	10.675.390.677
2. Ngoại tệ các loại				
Đồng Euro ("EUR")	EUR		9.056	6.114
Bảng Anh ("GBP")	GBP		10.152	8.238
Dinar Algeria ("DZD")	DZD		57.432.042	64.744.136
Đollar Singapore ("SGD")	SGD		17.493	19.751



Phạm Tiến Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	20.884.328.724.600	14.866.679.679.275
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		20.884.328.724.600	14.866.679.679.275
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	16.762.959.711.047	11.533.399.684.135
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.121.369.013.553	3.333.279.995.140
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	161.286.440.353	98.811.190.240
6. Chi phí tài chính	22	28	291.656.532.291	346.480.174.605
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144.676.565.627	222.995.412.065
7. Chi phí bán hàng	24		59.201.359.399	45.118.986.390
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.122.822.362.662	945.758.282.965
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.808.975.199.554	2.094.733.741.420
10. Thu nhập khác	31		124.374.138.948	63.296.302.580
11. Chi phí khác	32		54.710.517.292	88.775.809.575
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		69.663.621.656	(25.479.506.995)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	45	11	299.206.704.142	221.846.289.915
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		3.177.845.525.352	2.291.100.524.340
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	645.872.969.777	291.309.373.575
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(8.009.908.813)	6.625.885.630
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.539.982.464.388	1.993.165.265.135
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	24	9.816.794.777	8.875.100.160
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
- Lợi ích của các bên BCC	63	12	110.756.720.828	100.892.347.446
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	7.987	6.785



Phạm Tiến Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.177.845.525.352		2.291.100.524.340	
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.065.820.727.731		1.103.264.409.330	
Các khoản dự phòng	03	39.125.785.416		(42.071.290.025)	
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	27.093.074.493		25.780.070.790	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(387.196.843.705)		(284.600.459.735)	
Chi phí lãi vay	06	144.676.565.627		222.995.412.065	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	08	4.067.364.834.914		3.316.468.666.765	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(728.099.668.456)		(907.067.932.635)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(225.712.046.881)		(246.781.696.260)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.041.521.820.991		1.247.223.497.195	
Thay đổi chi phí trả trước	12	86.317.401.706		137.788.098.850	
Tiền lãi vay đã trả	13	(153.404.650.937)		(279.920.189.265)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(562.198.100.532)		(295.437.865.810)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(278.934.034.106)		(224.064.060.075)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	3.246.855.556.699		2.748.208.518.765	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(284.971.143.050)		(235.892.502.555)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.263.607.935		1.860.284.100	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(492.258.371.472)		(860.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	510.258.327.670		860.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(386.518.616.424)		(536.616.970.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.341.464.203		3.892.478.956	
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	338.890.814.636		178.590.099.825	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(304.993.916.502)		(588.166.609.674)	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	21.571.980.000		1.463.919.696.000	
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(364.500.000)		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.445.827.781		593.593.879.030	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.003.733.982.575)		(2.384.962.785.255)	
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(554.195.683.300)		(304.820.017.953)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.365.276.358.094)		(632.269.228.178)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	576.585.282.103		1.527.772.680.913	
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	2.597.616.954.888		1.067.748.648.852	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.050.776.878		11.675.148.288	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	62	30.941.235.797		(9.579.523.165)	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</i>	70	3.208.194.249.666		2.597.616.954.888	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 50.109.455.856 đồng (năm 2013: 17.859.648.500 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 17.859.648.500 đồng (năm 2013: 59.775.316.307 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Ngoài ra, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 1.367.364.781.226 đồng là giá trị tài sản nhận về tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 71.196.663.252 đồng (năm 2013: 116.540.309.015 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 95.225.485.310 đồng (năm 2013: 62.149.460.664 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay. Ngoài ra, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 22.205.075.315 đồng (năm 2013: 7.571.645.190 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cần trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm không bao gồm số tiền 422.980.000.000 đồng là số dư nợ vay tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 275.446.550.000 đồng là cổ tức năm 2013 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2013: 250.204.800.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



Phạm Kiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ("Công ty mẹ") và bảy (7) công ty con và sáu (6) công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 457 người và 2.072 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434 người và 1.724 người).

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank") để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD" hay "PV Drilling V"). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31\_00 Suntec Tower 2, Singapore. Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong PVD Overseas từ 55% lên 80%. Trong năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas và PVD Overseas chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh đồng kiểm soát của Công ty mẹ).

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ, vốn điều lệ của các công ty con cùng tình hình góp vốn của Công ty mẹ vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15.

#### **Các công ty liên doanh**

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD-Expro là 4 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012. Vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng, tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Số 1, Đường 11, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là "PVD-OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD - OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của PVD - OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Sản xuất Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty, vốn điều lệ của các công ty liên doanh cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo được quy đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam ("VND") theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VND đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 21.246 VND/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036 VND/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 21.149 VND/USD (năm 2013: 20.935 VND/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

301280  
CHI NI  
CÔNG  
CHNHIE  
JELON  
VIỆT N  
- TP. H



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác, và các khoản ký quỹ.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

**Tổng Công ty là bên cho thuê:** Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Tổng Công ty là bên đi thuê:** Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong năm (5) năm và mười (10) năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (năm 2010).

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng năm căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các giàn khoan.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm (5) năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	4.755.577.164	4.368.525.084
Tiền gửi ngân hàng	979.949.207.994	933.294.367.093
Các khoản tương đương tiền	2.223.489.464.508	1.659.954.062.711
	<u><b>3.208.194.249.666</b></u>	<u><b>2.597.616.954.888</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu chi phí trả hộ từ PVD-Baker Hughes	-	1.597.200.372
Phải thu lãi tiền gửi	6.334.856.082	14.553.504.168
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	64.861.807.170	102.549.048.516
Các khoản phải thu khác	26.479.123.506	18.294.588.480
	<u><b>97.675.786.758</b></u>	<u><b>136.994.341.536</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	5.282.095.536	94.663.724.952
Nguyên liệu, vật liệu	716.463.709.602	574.812.149.904
Công cụ, dụng cụ	71.748.209.412	2.101.349.148
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.649.728.180	15.856.873.692
Hàng hoá	351.821.692.272	328.745.096.568
Hàng gửi đi bán	88.437.494.808	28.559.546.436
	<b>1.282.402.929.810</b>	<b>1.044.738.740.700</b>
	(56.597.623.074)	(1.029.585.984)
	<b>1.225.805.306.736</b>	<b>1.043.709.154.716</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	335.922.853.236	16.025.236.664.304	47.127.623.952	73.598.337.600	1.143.622.140	16.483.029.101.292
Phân loại lại	918.894.552	297.946.659	11.139.011.001	(12.243.898.620)	(111.953.592)	-
Tăng trong năm	4.472.400.179	124.342.352.001	5.618.824.022	6.411.890.373	-	140.845.466.575
Đầu tư XD CB hoàn thành	8.964.955.355	19.114.085.518	-	-	-	28.079.040.873
Thanh lý	-	(6.382.429.816)	(1.835.183.326)	(1.369.270.856)	-	(9.586.883.998)
Chênh lệch tỷ giá	1.303.783.910	89.915.000.544	82.907.741	389.083.817	10.299.030	91.701.075.042
Tại ngày 31/12/2014	351.582.887.232	16.252.523.619.210	62.133.183.390	66.786.142.374	1.041.967.578	16.734.067.799.784
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	87.831.463.548	3.994.207.554.960	33.558.499.404	53.176.062.960	612.063.456	4.169.385.644.328
Phân loại lại	373.367.964	(255.987.047)	9.832.857.443	(9.950.238.360)	-	-
Khấu hao trong năm	18.836.039.615	1.020.811.958.827	5.467.756.715	7.099.402.065	277.496.029	1.052.492.653.251
Thanh lý	-	(5.785.034.013)	(354.668.730)	(2.803.469.142)	-	(8.943.171.885)
Chênh lệch tỷ giá	(606.569.591)	19.879.701.703	(22.751.266)	303.859.563	7.382.897	19.561.623.306
Tại ngày 31/12/2014	106.434.301.536	5.028.858.194.430	48.481.693.566	47.825.617.086	896.942.382	5.232.496.749.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	<b>245.148.585.696</b>	<b>11.223.665.424.780</b>	<b>13.651.489.824</b>	<b>18.960.525.288</b>	<b>145.025.196</b>	<b>11.501.571.050.784</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>248.091.389.688</b>	<b>12.031.029.109.344</b>	<b>13.569.124.548</b>	<b>20.422.274.700</b>	<b>531.558.684</b>	<b>12.313.643.456.964</b>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản là giàn PV Drilling II, PV Drilling III, PV Drilling V và các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.657.941.815.962 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.309.338.706.538 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 279.905.958.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 188.747.655.672 đồng).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm 2.289.554.798 đồng là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (năm 2013: 0 đồng).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	128.780.667.048	50.282.477.016	33.715.995.936	212.779.140.000
Tăng trong năm	55.228.033.322	8.077.479.868	-	63.305.513.190
Chênh lệch tỷ giá	1.285.590.388	505.251.770	336.582.960	2.127.425.118
Tại ngày 31/12/2014	185.294.290.758	58.865.208.654	34.052.578.896	278.212.078.308
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	12.536.172.804	27.443.018.664	21.667.626.936	61.646.818.404
Khấu hao trong năm	3.158.587.373	6.542.355.367	5.916.686.538	15.617.629.278
Chênh lệch tỷ giá	135.228.012	284.252.951	243.446.161	662.927.124
Tại ngày 31/12/2014	15.829.988.189	34.269.626.982	27.827.755.848	77.927.374.806
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	<b>169.464.302.569</b>	<b>24.595.581.672</b>	<b>6.224.823.048</b>	<b>200.284.703.502</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>116.244.494.244</b>	<b>22.839.458.352</b>	<b>12.048.369.000</b>	<b>151.132.321.596</b>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng cơ bản giàn PV Drilling VI	1.415.866.541.268	-
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	45.022.292.370	-
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	173.707.296	171.990.336
Các công trình xây dựng cơ bản khác	15.334.045.548	17.476.014.612
	<b>1.476.396.586.482</b>	<b>17.648.004.948</b>

Dự án đầu tư xây dựng giàn khoan PV Drilling VI có tổng dự toán chi phí đầu tư được duyệt là 226,7 triệu Đô la Mỹ.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá gốc khoản đầu tư	
				31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Expro	4.000.000	51	2.040.000	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	30.515.952.000	30.548.750.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	211.753.000.000	211.753.000.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	86.637.631.068	86.637.631.068
PVD Overseas	-	-	-	-	401.575.170.000
PVD-OSI	5.000.000	51	2.550.000	53.111.400.000	53.111.400.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Giá trị các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
BJ-PVD	88.242.597.389	70.989.600.192
PVD-Expro	107.664.487.428	65.118.515.700
PVD Tubulars	62.682.647.442	37.549.260.000
PVD-Baker Hughes	216.709.200.000	214.567.200.000
Vietubes	95.100.558.528	94.373.217.792
PVD Overseas	-	403.512.552.000
PVD-OSI	63.032.768.707	55.554.834.876
	<b>633.432.259.494</b>	<b>941.665.180.560</b>

Biến động giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Góp vốn trong năm	Phân loại khoản đầu tư	Lợi nhuận trong liên doanh	Phân bổ lợi thế thương mại	Lợi nhuận được chia	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BJ-PVD	70.989.600.192	-	-	36.159.904.581	-	(19.664.121.659)	757.214.275	88.242.597.389
PVD-Expro	65.118.515.700	25.290.010.968	-	48.135.906.313	-	(22.205.071.087)	(8.674.874.666)	107.664.487.428
PVD Tubulars	37.549.260.000	-	-	31.716.584.277	-	-	(6.583.196.835)	62.682.647.442
PVD-Baker Hughes	214.567.200.000	-	-	160.505.141.908	-	(166.935.141.908)	2.142.000.000	216.709.200.000
Vietubes	94.373.217.792	-	-	12.688.990.784	(2.570.323.926)	(8.538.758.569)	(802.567.553)	95.100.558.528
PVD Overseas	403.512.552.000	414.145.005.250	(817.657.557.250)	-	-	-	-	-
PVD-OSI	55.554.834.876	-	-	7.865.989.868	-	-	(388.056.037)	63.032.768.707
	<b>941.665.180.560</b>	<b>439.435.016.218</b>	<b>(817.657.557.250)</b>	<b>383.582.517.931</b>	<b>(2.570.323.926)</b>	<b>(217.343.893.223)</b>	<b>(13.599.480.816)</b>	<b>633.432.259.494</b>

Phân loại khoản đầu tư thể hiện việc chuyển liên doanh PVD Overseas thành công ty con của Tổng Công ty trong năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh nên phần lợi nhuận của năm 2014 của Tổng Công ty trong liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

**12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan "TAD" hay giàn khoan "PV Drilling V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	4,86



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	3.975.038.627.418	4.293.963.498.959
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>3.239.518.502.053</u>	<u>3.514.306.725.494</u>

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Petrovietnam	278.173.894.859	278.173.894.859
MBBank	133.229.238.748	133.229.238.748
OceanBank	68.756.768.760	68.756.768.760
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	16.323	42.886.648.377
	<u>480.159.918.690</u>	<u>523.046.550.744</u>

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp năm 2014 và năm 2013 như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu	1.629.815.284.468	1.603.529.962.832
Giá vốn	1.131.888.440.625	910.435.010.632
Chi phí quản lý	112.485.359.207	247.692.312.663
Chi phí tài chính	121.774.304.403	144.934.005.298
Doanh thu tài chính	14.300.891.336	4.546.563.976
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	2.845.837.960	(54.658.162.962)
Lợi nhuận thuần	280.813.909.529	250.357.035.253
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	13.986.968.892	18.187.940.649
Lợi nhuận phân phối cho các bên BCC	294.800.878.421	268.544.975.902
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	170.057.188.701	149.464.687.807
Các bên BCC khác:	110.756.720.828	100.892.347.446
<i>Petrovietnam</i>	67.804.202.037	61.765.344.457
<i>MBBank</i>	28.625.196.100	26.075.717.160
<i>OceanBank</i>	<u>14.327.322.691</u>	<u>13.051.285.829</u>

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	-	28.088.297.964
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	2.625.944.916
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	4.502.643.534	17.377.124.376
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.297.185.862	19.481.502.708
	<u>13.799.829.396</u>	<u>67.571.869.964</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2014 và 2013:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	4.830.638.040	1.678.028.648	6.508.666.688
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(6.214.931.580)	(410.954.050)	(6.625.885.630)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(1.221.564)	15.300.998	14.079.434
Tại ngày 31/12/2013	(1.385.515.104)	1.282.375.596	(103.139.508)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	8.887.737.879	(877.829.066)	8.009.908.813
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	23.916.215	15.403.465	39.319.680
Tại ngày 31/12/2014	<b>7.526.138.989</b>	<b>419.949.995</b>	<b>7.946.088.984</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Tổng vốn các bên đã góp (nguyên tệ)	Giá gốc khoản đầu tư			Tỷ lệ số hữu %
			31/12/2014		31/12/2013	
			VND	USD	VND	
PVD Offshore	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	130.000.000.000	6.748.980	80.000.000.000	100
PVD Well	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	4.081.459	80.000.000.000	100
PVD Logging	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	4.236.959	80.000.000.000	100
PVD Tech	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	200.000.000.000	10.324.805	200.000.000.000	100
PVD Training	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	19.753.753.400	1.096.066	19.753.753.400	51,79
PVD DeepWater	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	764.000.000.000	39.692.090	764.000.000.000	100
PVD Drilling Overseas	41.961.000 USD	51.141.000 USD	886.270.084.800	41.728.800	-	81,60
			<b>2.168.325.838.200</b>	<b>107.909.169</b>	<b>1.223.765.753.400</b>	

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm 2014, PVD Overseas đã chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013; PVD Overseas là công ty liên doanh của Công ty mẹ).

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Công ty mẹ đã mua 51% quyền sở hữu tại PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thể thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 Đô la Mỹ (tương đương 4.285.636.640 đồng).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại VND
Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	789.480.364
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>5.075.117.004</u>
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	3.517.471.632
Phân bổ trong năm	505.186.163
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	37.431.559
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.060.089.354</u>
<b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>1.015.027.650</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>1.507.481.832</u></u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	2.578.180.854	118.165.060.008
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	1.152.196.776.318	1.711.302.875.544
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	1.858.833.786	-
	<u><u>1.156.633.790.958</u></u>	<u><u>1.829.467.935.552</u></u>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	211.305.683.574	214.422.009.528
Thuế nhập khẩu	3.845.526	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.506.265.992	69.312.757.524
Thuế thu nhập cá nhân	41.085.259.848	52.453.160.820
Các loại thuế khác	66.967.200.786	44.431.502.940
	<u><u>473.868.255.726</u></u>	<u><u>380.619.430.812</u></u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	214.422.009.528	1.291.654.681.619	1.294.821.885.773	50.878.200	211.305.683.574
Thuế nhập khẩu	-	52.194.843.742	52.200.290.824	9.292.608	3.845.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.914.335.684	647.976.507.156	562.198.100.532	(186.476.316)	154.506.265.992
Thuế thu nhập cá nhân	52.453.160.820	618.005.799.586	630.530.079.430	1.156.378.872	41.085.259.848
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.945.806	2.945.806	-	-
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Các loại thuế khác	44.431.502.940	976.148.506.624	956.125.088.002	2.512.279.224	66.967.200.786
	<u><u>380.221.008.972</u></u>	<u><u>3.586.006.284.533</u></u>	<u><u>3.495.901.390.367</u></u>	<u><u>3.542.352.588</u></u>	<u><u>473.868.255.726</u></u>
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(398.421.840)				-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u><u>380.619.430.812</u></u>				<u><u>473.868.255.726</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	827.513.003.520	976.915.331.976
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	430.592.278.326	208.848.542.364
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	414.018.762.384	250.183.903.716
Trích trước chi phí lãi vay	31.536.648.822	40.264.734.132
Các khoản khác	119.219.591.940	77.695.666.632
	<u>1.822.880.284.992</u>	<u>1.553.908.178.820</u>

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích mỗi năm căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	215.307.920.070	158.851.229.364
Phải trả Petrovietnam - Nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD Deepwater theo Hợp đồng BCC	-	101.016.533.844
Các khoản phải trả khác	38.961.382.212	52.790.283.756
	<u>254.269.302.282</u>	<u>312.658.046.964</u>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn	4.247.999.962.182	5.494.783.520.592
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.152.196.776.318)	(1.711.302.875.544)
	<u>3.095.803.185.864</u>	<u>3.783.480.645.048</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	304.452.423.851	588.139.134.542
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.750.421.333.142	2.216.947.794.972
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	122.164.500.000	604.785.000.000
MBBank và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	841.239.619.200	984.365.462.772
MBBank và OceanBank	301.057.510.695	350.070.542.436
Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank")	505.603.413.021	747.626.451.930
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Seabank")	424.920.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá đo quy đổi báo cáo tài chính	(1.858.837.727)	2.849.133.940
	<u>4.247.999.962.182</u>	<u>5.494.783.520.592</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Thông tin chi tiết của các hợp đồng vay như sau:

Ngân hàng	Mục đích tài trợ	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Gián PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	-	USD
BIDV - đồng tài trợ	Gián PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Gián PV Drilling II	76.388.277	USD
BIDV	Gián PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	6.000.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Gián PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và gián PV Drilling III	5.750.000	USD
MBBank và Vietinbank	Gián PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	39.595.200	USD
SC Bank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	7.200.000	USD
MBBank và OceanBank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.081.267	USD
Vietcombank	Gián PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	10.969.429	USD
SC Bank	Gián PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Gián PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	16.493.556	USD
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	13.457.802.423	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.078.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ôma chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.471.095	USD
Seabank	Gián PVDrilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Gián PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay	20.000.000	USD

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.152.196.776.318	1.711.302.875.544
Trong năm thứ hai	951.570.840.810	1.141.943.951.028
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.933.190.366.832	2.148.075.804.756
Sau năm năm	211.041.978.222	493.460.889.264
	<b>4.247.999.962.182</b>	<b>5.494.783.520.592</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.152.196.776.318)</u>	<u>(1.711.302.875.544)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>3.095.803.185.864</u></b>	<b><u>3.783.480.645.048</u></b>

**22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	551.976.478.032	325.704.431.648
Số quỹ được trích lập	318.514.438.540	224.625.921.217
Số quỹ đã sử dụng	(622.340.135)	(311.682.819)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(2.289.554.798)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	3.282.004.467	1.957.807.986
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>870.861.026.106</u></b>	<b><u>551.976.478.032</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm giá trị còn lại của các tài sản cố định đã hình thành từ quỹ này là 14.052.984.775 đồng (Nguyên giá: 16.342.539.573 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng là 856.808.041.331 đồng (tương đương 40.324.936 Đô la Mỹ).

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.030.733.500.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
<b>Số cổ phần được duyệt</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>
<b>Số cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>303.073.350</u>	<u>3.030.733.500.000</u>	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phần phổ thông	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<u>(36.450)</u>	<u>(364.500.000)</u>	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>
<b>Số cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	282.884.900	2.828.849.000.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>303.036.900</u>	<u>3.030.369.000.000</u>	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần, tương ứng 50,39% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.828.214 cổ phần, tương ứng 50,44%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	673.496.144.515	554.469.675.707	262.334.956.772	2.030.031.173.478	6.992.136.471.576
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Vốn góp	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	9.689.831.711	-	-	-	9.689.831.711
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	184.562.622.859	75.894.650.620	(521.121.577.535)	1.993.165.265.135
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(8.875.100.160)	(8.875.100.160)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	(3.444.307.759)	-	(100.892.347.446)	(100.892.347.446)
Thường có phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	-	-	-	3.444.307.759
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	683.185.976.226	735.587.990.807	338.229.607.392	2.891.864.978.472	9.838.241.877.560
Cổ tức công bố	275.446.550.000	-	-	-	-	-	(826.431.040.000)	(550.984.490.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(364.500.000)	-	(981.668.041)	(490.837.103)	-	(364.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	101.838.530.014	-	-	-	103.595.604.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	236.672.637.933	46.936.790.473	(614.574.987.657)	2.539.982.464.388
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(330.965.559.251)
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(9.816.794.777)	(9.816.794.777)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(110.756.720.828)	(110.756.720.828)
Thường có phiếu quỹ	-	(11.963.553.191)	11.963.553.191	-	-	-	-	-
Điều chỉnh giám khác	-	-	-	-	-	(53.908.801)	-	(53.908.801)
Tại ngày 31/12/2014	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(364.500.000)	785.024.506.240	971.278.960.699	384.621.651.961	3.873.193.525.639	11.478.574.019.202

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 25.953.108 Đô la Mỹ, tương đương 550.984.490.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 12.980.516 Đô la Mỹ, tương đương 275.446.550.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển. Thời gian dự kiến giao dịch không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	(1.892.121.031)	675.388.265.546	673.496.144.515
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	15.142.708.356	9.689.831.711
Tại ngày 31/12/2013	(7.344.997.676)	690.530.973.902	683.185.976.226
Phát sinh trong năm	(12.480.469.029)	114.318.999.043	101.838.530.014
Tại ngày 31/12/2014	<u>(19.825.466.705)</u>	<u>804.849.972.945</u>	<u>785.024.506.240</u>

**24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định như sau:

	PVD Training VND	PVD Overseas USD
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000	51.141.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	14.996.960.000	41.728.800
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	9.412.200
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>48,21%</u>	<u>18,40%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	1.719.005.230.024	190.751.077.396
Tổng nợ phải trả	(560.799.003.138)	(129.429.348.743)
<b>Tài sản thuần</b>	<u><b>1.158.206.226.886</b></u>	<u><b>61.321.728.653</b></u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	1.115.500.356.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	11.232.634.935	8.178.412.575
Lợi nhuận chưa phân phối	31.160.753.551	23.872.163.678



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo.

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>234.522.887.454</b>	<b>29.564.751.696</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
<i>PVD Training</i>		
Vốn điều lệ	13.961.710.000	13.961.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.655.698	150.655.698
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	4.976.385.517	(10.149.041)
Các quỹ khác	3.953.158.872	3.953.158.872
Lợi nhuận chưa phân phối	11.509.376.167	11.509.376.167
<i>PVD Overseas</i>		
Vốn điều lệ đã góp	<u>199.971.601.200</u>	<u>-</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	20.361.482.395	18.408.276.985
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>9.816.794.777</u>	<u>8.875.100.160</u>

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dịch vụ khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	16.426.463.240.220	1.361.275.446.382	9.290.289.962.796	(3.773.268.176.242)	23.304.760.473.156
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản hợp nhất					<u>23.304.760.473.156</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	8.009.713.956.130	1.068.150.192.330	1.963.075.707.412	550.723.710.628	11.591.663.566.500
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>11.591.663.566.500</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu góp	12.928.276.855.252	1.742.433.159.858	7.454.990.501.563	(1.241.371.792.071)	20.884.328.724.600
Doanh thu thuần	12.928.276.855.252	1.742.433.159.858	7.454.990.501.563	(1.241.371.792.071)	20.884.328.724.600
Giá vốn hàng bán	10.327.830.076.632	1.649.705.221.315	5.838.362.316.248	(1.032.937.901.148)	16.762.959.711.047
Lợi nhuận gộp	2.600.446.778.620	92.727.938.543	1.616.628.185.315	(188.433.888.925)	4.121.369.013.553
Doanh thu hoạt động tài chính	31.200.125.697	20.040.686.655	995.914.700.408	(885.869.072.407)	161.286.440.333
Chi phí tài chính	187.299.075.883	14.198.338.852	93.793.298.269	(5.634.180.713)	201.656.532.291
Chi phí bán hàng	18.746.452.451	1.480.430.000	38.974.476.948	-	59.201.359.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	398.102.790.833	40.173.202.288	873.512.323.028	(188.965.955.467)	1.122.822.362.662
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.027.498.585.150	56.916.654.078	1.606.262.785.478	(881.702.825.152)	2.808.975.199.554
Thu nhập khác	50.562.986.902	1.913.117.391	72.935.287.360	(1.037.252.705)	124.374.338.948
Chi phí khác	3.676.351.819	2.492.642.289	48.541.523.184	-	54.710.517.292
Lợi nhuận/(lỗ) khác	46.886.635.083	(379.524.898)	24.393.764.176	(1.037.252.705)	69.663.021.656
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	399.306.704.142
Lợi nhuận trước thuế	2.074.385.220.233	56.337.129.180	1.630.656.549.654	(882.740.077.857)	3.177.845.525.352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	645.872.969.777
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(8.009.908.813)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<u>2.539.982.665.388</u>

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	14.990.634.982.680	1.356.671.034.164	8.050.591.676.332	(2.915.566.563.616)	21.492.333.129.560
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u>21.492.333.129.560</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	14.033.113.454.328	1.072.144.967.400	(1.889.643.369.900)	(1.591.088.551.524)	11.624.526.500.304
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u>11.624.526.500.304</u>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu góp	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	3.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Doanh thu thuần	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	3.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Giá vốn hàng bán	7.163.681.432.595	1.066.955.603.965	4.191.420.425.250	(888.657.777.375)	11.533.399.684.135
Lợi nhuận gộp	2.398.037.174.260	69.963.430.160	1.153.579.211.500	(288.299.820.780)	3.333.279.995.140
Doanh thu hoạt động tài chính	15.717.621.170	17.543.383.455	651.498.079.270	(585.947.893.655)	98.811.190.240
Chi phí tài chính	260.648.454.080	9.071.951.760	83.352.220.995	(6.391.552.230)	346.480.174.605
Chi phí bán hàng	13.582.251.170	480.709.470	31.056.025.750	-	45.118.986.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp	515.714.255.450	42.635.237.055	675.308.557.830	(287.799.367.370)	945.758.282.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.623.809.834.730	35.219.815.330	1.013.460.486.195	(579.856.394.835)	2.094.733.741.420
Thu nhập khác	11.168.613.150	2.464.824.095	49.662.865.335	-	63.296.302.580
Chi phí khác	67.722.757.110	1.989.536.790	19.063.515.675	-	88.775.809.575
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(56.554.143.960)	475.287.305	30.599.349.660	-	(25.479.506.995)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	221.846.289.915
Lợi nhuận trước thuế	1.567.255.690.770	35.795.102.635	1.046.059.835.855	(579.856.394.835)	2.291.100.524.340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	291.308.373.575
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	6.025.885.630
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<u>1.995.818.265.135</u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria và công ty con PVD Overseas) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.511.322.873.025	539.473.135.730
Chi phí nhân công	3.849.538.230.630	3.059.271.640.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.065.820.727.731	1.103.264.409.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.873.463.723.550	6.315.324.346.685
Chi phí khác	995.132.656.857	439.987.817.555
Giá vốn thương mại	1.649.705.221.315	1.066.955.603.665
	<b><u>17.944.983.433.108</u></b>	<b><u>12.524.276.953.490</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	99.336.387.722	62.175.966.055
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.950.052.631	36.635.224.185
	<b><u>161.286.440.353</u></b>	<b><u>98.811.190.240</u></b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	144.676.565.627	222.995.412.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.093.074.493	25.780.070.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.619.451.985	65.404.833.910
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.460.957.818	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(17.745.005.003)	-
Chi phí tài chính khác	12.551.487.371	32.299.857.840
	<b><u>291.656.532.291</u></b>	<b><u>346.480.174.605</u></b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	3.177.845.525.352	2.291.100.524.340
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(374.298.560.954)	(615.398.812.020)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	78.982.061.397	37.678.498.975
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b><u>2.882.529.025.795</u></b>	<b><u>1.713.380.211.295</u></b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	586.369.083.954	295.184.664.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	61.607.423.202	(3.081.634.200)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(2.103.537.379)	(793.656.873)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>645.872.969.777</u></b>	<b><u>291.309.373.575</u></b>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% cho các hoạt động ưu đãi và hoạt động khác. PVD Tech được hưởng ưu đãi thuế đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V (năm 2011), PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Năm 2014, Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước với số tiền là 61.607.423.202 đồng bao gồm các khoản thuế nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006 cho năm 2012 và năm 2013. Việc nộp thuế bổ sung được thực hiện theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Tổng Cục thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	<u>302.913.892</u>	<u>277.569.555</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>7.987</u></b>	<b><u>6.785</u></b>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Tổng Công ty đã phát hành 27.544.655 cổ phần trong tháng 8 năm 2014 để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 như sau:

	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	250.024.900	7.533
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần chi trả cổ tức trong năm 2014	27.544.655	(748)
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b><u>277.569.555</u></b>	<b><u>6.785</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG***Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất*

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo	56.429.063.883	44.536.511.885

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	46.374.196.596	45.227.421.036
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	46.527.252.780	59.137.265.676
Sau năm năm	34.180.692.276	37.925.005.032
	<u>127.082.141.652</u>	<u>142.289.691.744</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

*Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh*

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	4.252.436.976.822	5.612.948.580.600
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.208.194.249.666)	(2.597.616.954.888)
Nợ thuần	1.044.242.727.156	3.015.331.625.712
Vốn chủ sở hữu	11.478.574.019.202	9.838.241.877.560
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>9%</u>	<u>31%</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.208.194.249.666	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.792.838.844.966	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	11.937.320.052	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ	23.926.607.820	30.027.963.277
	<b>8.036.897.022.504</b>	<b>6.701.611.287.529</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.252.436.976.822	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.906.807.990.628	2.453.807.138.676
Chi phí phải trả	1.822.880.284.992	1.553.908.178.820
	<b>8.982.125.252.442</b>	<b>9.620.663.898.096</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD) (các công ty con)	3.604.366.396.227	4.471.336.630.650	1.412.409.281.242	1.562.834.489.467
Đồng Việt Nam (VND) (Công ty mẹ)	327.933.209.810	331.097.893.827	4.190.611.515.762	2.391.902.719.408
Dinar Algeria (DZD)	8.857.252.341	17.310.581.845	18.915.301.840	53.341.575.481
Đô la Singapore (SGD)	27.248.088.835	13.441.657.219	7.146.287.047	360.294.652
Đồng Euro (EUR)	5.286.580.714	5.828.036.801	1.406.293.334	176.696.720
Krone Nauy (NOK)	-	74.818.057	-	-
Bạt Thái (THB)	96.417.950	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	520.209.879	1.337.941.977	3.304.497.931	247.354.541
Đô la Úc (AUD)	86.214.196	617.590.465	52.255.387	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	77.253.557.916	41.216.087.232
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	43.839.142.300	58.170.042.824
Tăng/(giảm) lợi nhuận hợp nhất	<b>33.414.415.616</b>	<b>(16.953.955.592)</b>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 12.732.005.436 đồng (năm 2013: 16.484.356.536 đồng).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.208.194.249.666	-	-	3.208.194.249.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.792.838.844.966	-	-	4.792.838.844.966
Các khoản đầu tư khác	11.937.320.052	-	-	11.937.320.052
Các khoản ký quỹ	5.941.018.980	17.985.588.840	-	23.926.607.820
	<b>8.018.911.433.664</b>	<b>17.985.588.840</b>	-	<b>8.036.897.022.504</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	1.156.633.790.958	2.808.284.870.898	287.518.314.966	4.252.436.976.822
Phải trả người bán và phải trả khác	2.906.807.990.628	-	-	2.906.807.990.628
Chi phí phải trả	1.822.880.284.992	-	-	1.822.880.284.992
	<b>5.886.322.066.578</b>	<b>2.808.284.870.898</b>	<b>287.518.314.966</b>	<b>8.982.125.252.442</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.132.589.367.086</b>	<b>(2.790.299.282.058)</b>	<b>(287.518.314.966)</b>	<b>(945.228.229.938)</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.616.954.888	-	-	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.038.187.246.692	-	-	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	20.000.000.000	9.979.120.788	5.800.001.884	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ	14.036.375.041	15.991.588.236	-	30.027.963.277
	<b>6.669.840.576.621</b>	<b>25.970.709.024</b>	<b>5.800.001.884</b>	<b>6.701.611.287.529</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	1.829.467.935.552	3.290.019.755.784	493.460.889.264	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.453.807.138.676	-	-	2.453.807.138.676
Chi phí phải trả	1.553.908.178.820	-	-	1.553.908.178.820
	<b>5.837.183.253.048</b>	<b>3.290.019.755.784</b>	<b>493.460.889.264</b>	<b>9.620.663.898.096</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>832.657.323.573</b>	<b>(3.264.049.046.760)</b>	<b>(487.660.887.380)</b>	<b>(2.919.052.610.567)</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	2.327.895.452.085	1.520.229.002.505
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>9.834.464.079.774</u>	<u>2.612.295.908.385</u>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	190.442.389.959	311.120.268.750
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>47.070.209.682</u>	<u>6.061.603.640</u>
<b>Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</b>		
Lãi vay đã trả	-	251.554.960
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>-</u>	<u>29.202.754.875</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lương	5.466.162.000	5.411.898.000
Tiền thưởng	1.526.644.500	1.053.323.000
Các khoản phúc lợi khác	315.000.000	306.380.000
	<u>7.307.806.500</u>	<u>6.771.601.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	49.176.628.980	721.930.781.664
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>2.503.525.903.988</u>	<u>912.676.773.192</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	38.140.591.618	51.262.123.536
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>176.517.964.726</u>	<u>52.476.973.572</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	<u>2.578.180.854</u>	-
<b>Phải trả khác</b>		
Petrovietnam	<u>447.235.034.982</u>	<u>476.437.653.516</u>

00-00  
HÀNH  
S TY  
KHU  
ITTE  
YAM  
15 ch

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

**35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2015.



*[Signature]*  
Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

*[Signature]*  
Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

*[Signature]*  
Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu



